

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01855

Trang 1/5

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM ANH	DH11TC	1	<i>Anh</i>		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09223001	TRẦN THỊ LỆ	TC09KETD	1	<i>Lệ</i>		1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	TC09KETD	2	<i>Ngọc</i>		1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123255	VILAYSON BOULETH	DH11KE	1	<i>Boul</i>		1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09223006	LÊ KIM DẺ	TC09KETD	1	<i>Kim</i>		1,0	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11123172	HUỖNH THỊ DIỄM	DH11KE	1	<i>Diễm</i>		1,7	6,9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	TC09KETD	1	<i>Thúy</i>		1,0	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM DUNG	CD11CA	1	<i>Dung</i>		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363018	ĐẶNG THẾ DŨNG	CD11CA	1	<i>Đặng</i>		1,6	6,6	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123093	LÂM CHÂU THANH DUY	DH11KE	2	<i>Thanh</i>		1,8	7,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11164007	NGUYỄN ANH DUY	DH11TC	1	<i>Anh</i>		1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11363003	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	CD11CA	1	<i>Mỹ</i>		0,7	3,1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363026	TRẦN THỊ THU HÀ	CD11CA	1	<i>Thu</i>		1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363180	HUỖNH HIẾU HẠNH	CD11CA	1	<i>Hiếu</i>		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363181	HUỖNH THỊ MỸ HẠNH	CD11CA	1	<i>Mỹ</i>		1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09223018	NGUYỄN THỊ HẠNH	TC09KETD	1	<i>Hạnh</i>		0,4	1,6	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123098	PHẠM THỊ NHƯ HẢO	DH11KE	2	<i>Như</i>		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363027	ĐOÀN THỊ HẰNG	CD11CA	1	<i>Hàng</i>		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Le Van Hoa

Ngày tháng năm

Trang 2/5

Ngày Thi: 18/01/14 **Giờ thi:** 07g00 - phút **Phòng thi** RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Cán bộ chấm thi 1&2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01859

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09223047	LÊ THỊ ANH	NGUYỆT	TC09KETD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	CD11CA	1	Nhờ		1,4	6,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9
3	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	CD11CA	1	Nhi		1,4	5,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 3 4 5 6 7 8 9
4	09223116	HỒ THỊ	OANH	TC09KETD	2	Danh		1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	CD12CA	1	Th		1,5	6,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 9
6	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	CD11CA	1	Ph		1,1	4,6	5,7	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 8 9
7	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH10TC	1	Ph		1,3	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 9
8	10123142	HOÀNG KIM	PHỤNG	DH10KE	1	Ph		1,4	5,9	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 4 5 6 7 8 9
9	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	CD11CA	1	Ph		2,0	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	DH11KE	1	Ph		1,7	6,9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 9 10	0 1 2 3 4 5 7 8 9
11	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	DH12KE	1	Th		1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 3 4 5 6 7 8 9
12	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	TC09KETD	1	Th		1,0	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	CD11CA	1	Th		1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	DH11TC	1	M		1,5	6,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	09223069	NGÔ THỊ	THANH	TC09KETD	1	Th		1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	TC09KETD	1	Th		1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	DH11TC	1	Th		1,0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 6 7 8 9
18	10363095	ĐINH HIẾU	THẢO	CD10CA	1	Th		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 10	0 1 2 3 4 5 6 7 9

Số bài: 30; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Th. Đỗ Thị Kim Chung
Lâm Đại

Th. Lê Văn Khoa

Th. Lê Văn Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01859

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363100	NGUYỄN THỊ THU THẢO	CD11CA	1			1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123147	PHẠM THỊ THU THẢO	DH11KE	1			1,6	6,9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11164010	SON THỊ THANH THẢO	DH11TC	1			1,9	7,8	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363086	VÕ THỊ THU THẢO	CD11CA	1			1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123046	VÕ THỊ THOẠI	DH11KE	1			2,0	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC THÔNG	DH12KE	2			0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09223063	PHAN NGỌC THƠ	TC09KETD	2			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11363064	LÊ THỊ MỸ THU	CD11CA	1			1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12363129	NGÔ THỊ THU	CD12CA	1			1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỆM THU	DH11KE	1			2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12363217	TRƯƠNG ÁNH THỦY	CD12CA	1			1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10363207	CAO THỊ BÍCH THỦY	CD10CA	1						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09223076	LÊ THỊ THỦY	TC09KETD	1			1,0	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11123155	NGUYỄN THỊ KIM THỦY	DH11KE	1			2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

B. Đỗ Thị Kim Chung
Lâm Đại

(ĐS này không có PHẠM HỒNG TRANG 09223088 TC09KETD 8,0 điểm)



Kế toán tài chính 1 (208316)

R.D. 203
1914144
Mã In D2105

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ANH	TC09KETD 01				
2	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	TC09KETD 01				
3	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỄM	TC09KETD 01				Nữ HP
4	09223006	LÊ KIM	DỄ	TC09KETD 01				
5	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	TC09KETD 01				
6	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	TC09KETD 01				
7	09223018	NGUYỄN THỊ	HÀNH	TC09KETD 01				
8	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỂN	TC09KETD 01				
9	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	TC09KETD 01				Nữ HP
10	09223028	HỒNG THIÊN	KHOI	TC09KETD 02				Nữ HP
11	09223031	NGUYỄN THỊ AI	LÊ	TC09KETD 01				Nữ HP
12	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	TC09KETD 02				Nữ HP
13	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	TC09KETD 01				
14	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	TC09KETD 01				
15	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	TC09KETD 02				Nữ HP
16	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	TC09KETD 01				Nữ HP
17	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	TC09KETD 01				Nữ HP
18	09223056	LÚC VƯƠNG	QUẾ	TC09KETD 02	5	Năm	Nh	Nữ HP
19	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	TC09KETD 02	9	Chăm	guit	Nữ HP
20	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	TC09KETD 01				
21	09223069	NGÔ THỊ	THANH	TC09KETD 02	7	Bang	Nh	Nữ HP
22	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	TC09KETD 02	7	Bang	thanh	
23	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY	TC09KETD 01				
24	09223076	LÊ THỊ	THÙY	TC09KETD 02	5	Năm	Nh	Nữ HP
25	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	TC09KETD 01				Nữ HP
26	09223088	PHẠM HỒNG	TRANG	TC09KETD 1	8	Tam	Nh	Nữ HP
27	09223103	VŨ THỊ MINH	XUYẾN	TC09KETD 01				
28	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	TC09KETD 01				
29	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	TC09KETD 02				
30	09223116	HỒ THỊ	OANH	TC09KETD 02	6	Đai	Danh	

Số sinh viên đặt: _____; Phòng đặt: _____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Coi Thi 1 Trần Thị Kiều Chung

Cán Bộ Coi Thi 2 Trần Văn Đạt

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Văn Đạt

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01857

Trang 1/5

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	CD11CA	1	Anh		1,5	6,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10123007	TRẦN THỊ LAN	DH10KE	1	Tran Lan		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11164006	ĐÀO THỊ BÌNH	DH11TC	1	Binh		1,8	7,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123072	TÔ THỊ HỒNG CẨM	DH11KE	1	Hong		1,8	7,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10363008	NGUYỄN THỊ CHUNG	CD10CA	1	Thinh		1,5	6,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363164	HUỖNH THÚY DIỄM	CD11CA	1	Thuy		1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09363040	HUỖNH THỊ MỸ ĐIỀU	CD09CA	1	My		1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11123006	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	DH11KE	1	Du		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10123039	PHẠM THỊ NGỌC GIÀU	DH10KE	1	Ngoc		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11164040	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH11TC	1	Thu		1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363014	PHẠM THỊ HÀ	CD11CA	1	Ha		1,9	7,6	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10123046	VŨ THỊ HỒNG HÀ	DH10KE	1	Hong		1,2	5,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12363161	THÂN THỊ HỒNG HẢI	CD12CA	1	Hai		1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10123049	ĐỖ THỊ HẠNH	DH10KE	1	Hanh		1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11164016	NGUYỄN THỊ HẠNH	DH11TC	1	Hanh		1,5	6,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123101	BÙI THỊ HẰNG	DH11KE	2	Hung		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10123054	NGUYỄN THỊ HẰNG	DH10KE	1	Hung		0,6	2,6	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123173	PHAN THỊ THU HÂN	DH11KE	1	Han		1,1	4,4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 24; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Thủy

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Trần Thị Kim Thủy

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thị Kim Thủy

Ngày tháng năm

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 **Giờ thi:** 07g00 - phút **Phòng thi** RD201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 24; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01858

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11123013	TRỊNH THỊ HỒNG	DH11KE				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363045	NGÔ THỊ KIM	CD11CA				1,4	5,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10123075	ĐÀO THỊ THU	DH10KE				1,3	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123016	VŨ THỊ THU	DH11KE				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10164014	BẠCH ĐĂNG	DH10TC				0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09223028	HỒNG THIÊN	TC09KETD				1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363056	LÊ THỊ DIỆM	CD11CA							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10363162	PHẠM THỊ LEN	CD10CA				0,5	2,1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363188	NGUYỄN THỊ LÊ	CD11CA				1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09223033	TRẦN THANH	TC09KETD				1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10123090	ĐINH THỊ THÙY	DH10KE				1,4	5,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10363032	PHAN THỊ BÍCH	CD10CA				1,3	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	CD11CA				0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	CD11CA				2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11164021	PHẠM MỸ	DH11TC				1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363062	LƯU THỊ MỸ	CD11CA				2,0	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	TC09KETD				1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE				1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 23.....; Số tờ: 23.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trang 2/5

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

Wiley
15 Vinton

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01860

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11164030	NGUYỄN THỊ THU THỦY	DH11TC	1			1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG THÚY	CD11CA	1			1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11164043	LÊ THỊ THU THÚY	DH11TC	1			1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11164031	PHẠM LÊ THANH THÚY	DH11TC	1			0,4	2,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09363213	LÂM THỊ MINH THƯ	CD09CA	1			0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12363224	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	CD12CA	1			1,5	6,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123185	PHAN THÚY TIÊN	DH12KE	1			2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12363300	TẶNG THỊ THU TÌNH	CD12CA	1			1,6	6,8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	DH11KE	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363207	PHẠM NGỌC TRÂM	CD11CA	1			1,7	7,2	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG TRÂM	CD11CA	1			1,7	7,1	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12363050	HUỲNH THỊ TRÍ	CD12CA	1			0,5	2,1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11164005	HỒ HÀ HUYỀN TRINH	DH11TC	1			1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363114	LÊ THỊ HỒNG TRINH	CD11CA	1			0,4	1,6	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM TRINH	CD11CA	1			1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12363306	TRẦN CAO DIỄM TRINH	CD12CA	1			1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12122091	NGUYỄN BỬU TRUNG	DH12TC	1			0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10123215	NGUYỄN QUANG TÚ	DH10KE	1			1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01860

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10123261	LÂM NGỌC TÙNG	DH10KE	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123194	LÝ THỊ THANH	DH12KE	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09363245	VŨ MỘNG	CD09CA					Vắng		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11TC	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11363122	HỒ THỊ THẢO	CD11CA	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH11KE	1			1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363210	BÙI LÊ TRÚC	CD11CA	1			1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10363135	LÊ QUANG	CD10CA	1			1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123060	NGUYỄN VĂN	DH11KE	2			1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	CD11CA	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09363269	KÔNG NGỌC	CD09CA	1			0,8	3,7	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10363147	LÊ THỊ HỒNG	CD10CA	1			1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10123232	PHẠM THỊ	DH10KE	1			2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 32
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01856

Trang 1/5

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12363170	HUỖNH THỊ HÒA	CD12CA				1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	DH10KE				2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	C09KETD				1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363038	HỒ THỊ KIM	CD11CA				2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA				1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11164017	TRẦN NGỌC	DH11TC				1,5	6,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363046	NGUYỄN HỒNG	CD11CA				1,4	6,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09223014	CAO THỊ THIÊN	C09KETD				1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10363175	NGUYỄN THỊ THU	CD10CA				1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09223016	VŨ THỊ LIÊN	C09KETD				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	C09KETD				1,0	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	CD12CA				1,6	6,9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	C09KETD				1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363150	NGUYỄN THỊ LINH	CD11CA				1,7	7,2	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	DH10KE				1,1	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	CD11CA				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DH11TC				1,5	6,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363053	HÀ THỊ MỸ	CD11CA				1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 82; Số tờ: 82

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Hải
Trần Văn Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Văn Hòa

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01856

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (8-8%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09223037	NGUYỄN THỊ LUYẾN	C09KETD		Luyến		1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH LY	CD12CA		Khánh		1,1	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	CD11CA		Trúc		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	CD11CA		Ngọc		1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123066	NGUYỄN HOÀNG NAM	DH11KE		Nam		1,9	7,6	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	CD11CA		Nam		1,6	6,6	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09123091	BÙI THỊ NGUYỆT	DH09KE		Nguyệt		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11363179	ĐẶNG THÙY NGÂN	CD11CA		Thùy		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10123116	ĐỖ THỊ THÙY	DH10KE		Thùy		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	CD11CA		Như		1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363073	TRỊNH THỊ KIM NGỌC	CD11CA		Ngọc		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09223111	HỒ THỊ THANH NGUYỄN	C09KETD		Thanh		1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11363192	LÊ THỊ THANH NHÀN	CD11CA		Thanh		1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12123155	TRẦN THANH NHÀN	DH12KE		Thanh		1,9	7,6	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11363130	TRỊNH HỒNG NHÂN	CD11CA		Hồng		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11123134	LÊ THỊ YẾN NHI	DH11KE		Nhi		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11123176	LƯƠNG THỊ Ý NHI	DH11KE		Nhi		1,4	5,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11363077	TRẦN THỊ HẢI	CD11CA		Hải		1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 82; Số tờ: 82

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Trúc
Nguyễn Thị Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Trúc

Cán bộ, chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Trúc

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01856

Trang 3/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (8-2%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11363051	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD11CA		Nhung		20	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	CD09KETD		Ánh		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	DH11KE		Quỳnh		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11363131	TRẦN THỊ KIM	CD11CA		Kim		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	09223054	NGÔ QUỲNH	CD09KETD		Quỳnh		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11164027	TRƯƠNG TẤN	DH11TC		Phúc		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	CD11CA		Hạnh		1,3	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11123037	PHẠM THỊ	DH11KE		Phạm		2,0	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11123039	PHAN THỊ BÍCH	DH11KE		Bích		1,5	6,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10123153	TẠ HỒNG	DH10KE		Hồng					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11363028	NGUYỄN THỊ QUÝ	CD11CA		Quý		1,0	4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11123253	KHAMMANNIVONG	DH11KE		Nam		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11363219	ĐỖ THỊ THU	CD11CA		Thu		1,5	6,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11363082	NGUYỄN HOÀNG	CD11CA		Hoàng		1,5	6,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11363097	ĐÀO THỊ THU	CD11CA		Thu		1,5	6,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	CD12CA		Phương		0,2	0,8	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11363160	NGUYỄN THỊ THU	CD11CA		Thu		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12363063	NGUYỄN THỊ THẨM	CD12CA		Thẩm		1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 82; Số tờ: 82

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Nguyễn Nam Hải

Nguyễn Thị Thu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01856

Trang 4/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09223067	LÊ THỊ THẮNG	TC09KETD				1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	DH11KE				1,6	6,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11363107	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD11CA				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11363202	ĐỖ THỊ KIM	CD11CA				2,0	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11363224	HỒ THỊ THÙY	CD11CA				1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	TC09KETD				1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	TC09KETD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	CD11CA				1,1	4,6	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	DH11TC				0,4	2,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11123158	BUI MINH TIẾN	DH11KE				1,4	5,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11363206	ĐINH THỊ TRANG	CD11CA				1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE				1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	CD11CA				1,8	7,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	DH11TC				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11TC				0,4	2,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11123165	TẠ THỊ NGỌC	DH11KE				0,8	3,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11123082	TRẦN THỊ HÀ	DH11KE				1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11363116	LÊ BẢO TRÂN	CD11CA							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 82; Số tờ: 82

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Nam Hát
Trưởng bộ môn Tài

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Văn Hòa

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01856

Trang 5/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (208316) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG TRINH	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,6	6,6	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11363171	NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11363117	NGUYỄN THỊ THU TRƯỜNG	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,1	4,7	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11363209	VÕ THỊ CẨM TÚ	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11363167	TRẦN THANH TUẤN	CD11CA		<i>[Signature]</i>		0,8	3,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11363143	HUỖNH HỒNG TUYỀN	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,5	6,4	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11363175	TRỊNH THỊ CẨM TUYỀN	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH TUYỀN	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	10363197	TRẦN NGỌC TUYẾN	CD10CA		<i>[Signature]</i>		0,8	3,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	11363043	NGUYỄN THỊ VÂN	CD11CA		<i>[Signature]</i>		1,4	6,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	10123229	NGUYỄN SÔNG VƯƠNG	DH10KE		<i>[Signature]</i>		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	09223103	VÕ THỊ MINH XUYẾN	TC09KETD		<i>[Signature]</i>		1,2	4,8	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 82; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Nguyễn Nam Hải
Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Vũ Văn Trí

Ngày tháng năm